

Bản án số: 45/2024/HNGĐ - ST

Ngày 30/8/2024

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Phú

Ông Dương Văn Thay

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H.** Sinh ngày 20/10/1987.

Nơi cư trú: **Thôn X, xã X, huyện S, Hà Nội.**

* Bị đơn: **Anh Nguyễn Hữu M.** Sinh ngày 10/3/1982.

Nơi cư trú: **Thôn X, xã X, huyện S, Hà Nội.**

Có mặt: **Chị H.**

Vắng mặt: **Anh M.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024 và các lời khai theo nguyên đơn là **chị Nguyễn Thị H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu M kết hôn ngày 21/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M ham chơi, lười làm, không chăm lo, quan tâm chăm sóc gì đến vợ con, không phụ giúp chị về kinh tế. Chị nói chuyện khuyên bảo nhưng anh M không nghe, vợ chồng thì xảy ra cãi vã, xô xát. Chị có nhờ gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị đã một lần làm đơn xin ly hôn anh M vào tháng 10/2022, nhưng do mong muốn cho anh M thêm cơ hội để có thời gian vợ chồng tự giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh M vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi, vì vậy, chị đã ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng. Vợ chồng sống ly thân đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn anh Nguyễn Hữu M để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh M sinh được 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 29/10/2003, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 21/12/2004, Nguyễn Hằng N, sinh ngày 26/01/2009 và Nguyễn Hữu M1, sinh ngày 29/8/2013.

Cháu T và cháu T1 đã thành niên, việc các cháu ở với ai là quyền của các cháu, chị không có yêu cầu về việc nuôi dưỡng cháu T, cháu Thúy

Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hằng N, anh M trực tiếp nuôi cháu M1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Hữu M đã nhận tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác. Anh M có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tại bản tự khai ngày 13/8/2024, anh M trình bày:

Anh đồng ý với lời khai của chị Nguyễn Thị H về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn, nơi chung sống của vợ chồng. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ khoảng năm 2022 đến nay. Chị M xin ly hôn, anh

đồng ý.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 04 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như chị **H** trình bày là đúng. Vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Hằng N** và cháu **Nguyễn Hữu M1**.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX:

- Về tình cảm: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị H**. Cho chị **H** được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu M**.

- Về con chung: Giao con chung là **Nguyễn Hằng N**, sinh ngày 26/01/2009 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là **Nguyễn Hữu M1**, sinh ngày 29/8/2013 cho anh **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu M đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Hữu M tại phiên tòa: Anh Nguyễn Hữu M đã nhận tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 21/01/2005. Hôn nhân giữa chị H và anh M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh M chung sống tại thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh M không quan tâm, chăm sóc con, không phụ giúp chị H về kinh tế. Chị H và anh M đã ly thân từ khoảng cuối năm 2022 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị H được ly hôn anh M.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu M có 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 29/10/2003, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 21/12/2004, Nguyễn Hằng N, sinh ngày 26/01/2009 và Nguyễn Hữu M1, sinh ngày 29/8/2013.

Xét thấy cháu Nguyễn Thị T và cháu Nguyễn Thị T1 đã thành niên, không thuộc trường hợp đã bị tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Chị H và anh M cũng không có yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng với cháu T, cháu H.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cả chị H và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Cháu Nguyễn Hằng N có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Nguyễn Hữu M1 có nguyện vọng ở với bố. Trên thực tế, cháu Hằng N đang ở với chị H, cháu Hữu M1 đang ở với anh M. Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chỗ ăn ở của chị H và anh M cũng như để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần cho các con, tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ. Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Hằng N, giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hữu M1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, chị H và anh M đều được giao nuôi con chung, nên chị H và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

[2.3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0022739 ngày 05/7/2024.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 7 Điều 28; Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

2. Về con chung: Chị **H** và anh **M** sinh được 04 con chung là: **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 29/10/2003, **Nguyễn Thị T1**, sinh ngày 21/12/2004, **Nguyễn Hằng N**, sinh ngày 26/01/2009 và **Nguyễn Hữu M1**, sinh ngày 29/8/2013.

Ly hôn, chị **Nguyễn Thị H** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung **Nguyễn Hằng Nga**, anh **Nguyễn Hữu M** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Nguyễn Hữu M1**, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi con chung thành niên hoặc có bản án, quyết định khác của Tòa án.

Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Nguyễn Hữu M** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết của chị **Nguyễn Thị H** và anh **Nguyễn Hữu M**.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022739 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị **Nguyễn Thị H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Nguyễn Hữu M** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Sóc Sơn;
 - THADS huyện Sóc Sơn;
 - Ủy ban nhân dân xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 21/01/2005;
- Lu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Ý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Ý